

Bản án số: 17/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 31/7/2025

V/v tranh chấp "Thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn".

## NHÂN DANH

### NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

#### TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC H - ĐỒNG THÁP

**Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Bà Nguyễn Bích Thiên

**Các Hội thẩm nhân dân:**

- Ông Đỗ Hữu Vị.
- Ông Võ Văn Thống.

**Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Khánh Quyên - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực H - Đồng Tháp.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực H - Đồng Tháp tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thị Ngọc Tuyền - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực H - Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 109/2025/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2025 về việc tranh chấp "Thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 170/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 160/2025/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2025 và Thông báo về việc mở lại phiên tòa số 04/TB-TA ngày 08 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị N**, sinh năm 1970. (có mặt)

Địa chỉ: Ấp LG, xã TH, tỉnh Đồng Tháp.

**2. Bị đơn: Anh Nguyễn Hoàng K**, sinh năm 1973. (vắng mặt không lý do)

Địa chỉ: Ấp HT1, xã TH, tỉnh Đồng Tháp.

### NỘI DUNG VỤ ÁN:

**\* Theo đơn khởi kiện ngày 09/4/2025 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị N trình bày:**

Theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 95/2011/QĐST-HNGĐ ngày 07/6/2011 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang thì anh K có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn đối với cháu Nguyễn Lê Phúc T, sinh ngày 16/10/2009 là 415.000 đồng/tháng, thực hiện lần đầu vào ngày 10/6/2011. Sau khi chị và anh K ly hôn đến nay, ngoài khoản tiền cấp dưỡng hàng tháng, anh K không quan tâm đến cuộc sống, học hành cũng như sinh hoạt hàng ngày của con. Hiện nay, cháu T đã lớn, nhu cầu sinh hoạt cần thiết hàng ngày và chi phí cho việc học

hành ngày càng nhiều; trong khi thu nhập của chị không ổn định, bản thân mắc nhiều căn bệnh hiểm nghèo đang phải điều trị, hoàn cảnh kinh tế đang gặp nhiều khó khăn và thuộc diện hộ cận nghèo của địa phương, nên số tiền cấp dưỡng hàng tháng của anh K không đủ để chị nuôi con. Hơn nữa, từ tháng 6/2023 đến nay, anh K không thực hiện cấp dưỡng theo Quyết định của Tòa án.

Vì các lý do trên, chị khởi kiện yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Nguyễn Lê Phúc T, sinh ngày 16/10/2009. Chị yêu cầu Tòa án buộc anh K cấp dưỡng nuôi cháu T mỗi tháng 2.000.000 đồng, kể từ ngày 10/6/2023 cho đến khi đủ 18 tuổi.

Tại phiên tòa, chị thay đổi yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi cháu T theo quy định pháp luật, từ tháng 4/2025 (thời điểm chị N nộp đơn khởi kiện) đến khi cháu T đủ 18 tuổi, lao động được.

***\* Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Hoàng K không đến Tòa án theo giấy triệu tập, không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn dù đã được Tòa án triệu tập và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật.***

***\* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực H - Đồng Tháp phát biểu ý kiến:***

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 82, Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Quan hệ tranh chấp giữa các bên đương sự là tranh chấp “*Thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực H - Đồng Tháp theo quy định tại khoản 5 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa, bị đơn anh K vắng mặt không lý do dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh.

[3] Xét việc nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện như nêu trên là không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên Hội đồng xét xử ghi nhận nhằm đảm bảo quyền tự định đoạt của đương sự theo quy định tại Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của chị N, nhận thấy:

Chị và anh K chung sống có 01 người con chung tên Nguyễn Lê Phúc T, sinh ngày 16/10/2009. Do hôn nhân không hạnh phúc nên anh chị đã thuận tình ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 95/2011/QĐST-HNGĐ ngày 07/6/2011 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang. Theo quyết định này, sau khi ly hôn, chị được quyền nuôi dưỡng cháu T và anh K có

nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu T 415.000 đồng/tháng, thực hiện lần đầu vào ngày 10/6/2011.

Theo lời trình bày của chị N: Từ tháng 6/2023 đến nay, anh K không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu T theo đúng thỏa thuận. Trong khi cháu T mỗi ngày mỗi lớn, nhu cầu về ăn uống, sinh hoạt, học tập, vui chơi, giải trí, ... nhằm đảm bảo cho sự phát triển bình thường về thể chất, tinh thần và tư duy của cháu T ngày càng tăng về chi phí; chị lại không có công việc ổn định, kinh tế khó khăn và thuộc diện hộ cận nghèo của địa phương nên riêng mình chị không thể lo được chi phí cần thiết nhất để nuôi dưỡng và giáo dục cháu T.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh K không đến Tòa án theo giấy triệu tập, không gửi văn bản trình bày ý kiến thể hiện sự thống nhất hay phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của chị N dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật. Đối chiếu với quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự xem như anh K tự từ bỏ quyền chứng minh và mặc nhiên thừa nhận các tình tiết mà chị N đã trình bày với Tòa án.

Đối chiếu với khoản 2 Điều 116 và Điều 119 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy việc điều chỉnh tăng mức cấp dưỡng nuôi cháu T là có căn cứ, phù hợp với chi phí sinh hoạt thực tế và điều kiện phát triển của trẻ vị thành niên. Tuy nhiên, do chị N không cung cấp được chứng cứ về thu nhập hiện nay của anh K cũng như tài liệu về các khoản chi phí hàng tháng để nuôi dưỡng cháu T nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao xác định thu nhập của anh K thuộc trường hợp lao động phổ thông và xác định mức cấp dưỡng nuôi con mà anh K phải thực hiện mỗi tháng tại thời điểm hiện nay là 1/2 tháng lương tối thiểu vùng nơi anh đang cư trú tương ứng 1.725.000 đồng/tháng (theo Nghị định số 74/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ quy định mức lương tối thiểu đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động).

Từ những nhận định trên cho thấy yêu cầu khởi kiện của chị N là hoàn toàn có cơ sở chấp nhận, buộc anh K có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu T với mức 1.725.000 đồng/tháng thực hiện từ tháng 4/2025 (thời điểm chị N nộp đơn khởi kiện yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con) cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi, lao động được.

[5] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Anh K phải chịu án phí là 300.000 đồng theo quy định Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực H - Đồng Tháp là có căn cứ chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào: - Các Điều 82, 107, 110, 116, 117, 119 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điều 5, khoản 5 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 4 Điều 147 và điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

**1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị N.**

Buộc anh Nguyễn Hoàng K có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Nguyễn Lê Phúc T, sinh ngày 16/10/2009 theo quy định pháp luật với mức 1.725.000 đồng/tháng, thực hiện từ tháng 4/2025 cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi, lao động được.

*Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.*

**2. Về án phí hôn nhân sơ thẩm:** Anh K phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

*“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.*

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh ĐT;
- VKSND KV.H-ĐT;
- THADS tỉnh ĐT;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.

***Nguyễn Bích Thiên***

